

Số: 1202/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 18/TTr-SCT ngày 10/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Có Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành (các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành). Bãi bỏ Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /!

Nơi nhận

- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (UBND cấp xã do UBND cấp huyện sao gửi)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CN, KSTTHC (Đ 25).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH; TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ; TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH:

A1. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực lưu thông hàng hoá trong nước					
1	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
3	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột,	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh Đắk Lắk		Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
II. Lĩnh vực điện					
7	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	800.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tự vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	400.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
9	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1.050.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
11	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	700.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
12	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	350.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	800.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
14	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	400.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					điện lực; - Thông tư 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.
III. Lĩnh vực thương mại quốc tế					
15	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
16	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
17	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
20	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
21	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP		phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk		điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
22	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
23	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ENT			động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
24	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giám diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
25	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
26	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
27	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
28	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk		điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
29	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
30	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017; - Luật đầu tư ngày 26/11/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
IV. Lĩnh vực hoá chất					
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1.200.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	600.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	600.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1.200.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	600.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	600.000 đồng	- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ; - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương; - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
V. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh					
37	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.
38	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.
39	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.
40	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành	Không	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk		

A2. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực lưu thông hàng hoá trong nước					
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).	hàng hóa.
4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
7	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).</p>	<p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm</p>	<p>- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				mười phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).	
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

B. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ:

I. Lĩnh vực lưu thông hàng hoá trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;- Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;- Nghị định 08/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột,	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;- Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh Đắk Lắk		<p>điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.</p>
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<p>- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định 08/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh; + Mức thu lệ phí cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá là 200.000đồng/giấy/lần cấp. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương - Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. +Mức thu lệ phí cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá là 200.000đồng/giấy/lần cấp. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.
6	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buon Ma Thuột,	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh Đắk Lắk	<p>doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>+ Mức thu lệ phí cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá là 200.000đồng/giấy/lần cấp.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.</p>
7	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				xã trực thuộc tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
9	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
10	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	xăng dầu		phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<p>kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;</p>
12	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>	<p>- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;</p>
13	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị</p>	<p>- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu.</p> <p>- Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				xã trực thuộc tỉnh.	chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
14	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
16	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buon Ma Thuột,	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh Đắk Lắk	<p>đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu.</p> <p>- Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>
17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm</p>	<p>- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu;</p> <p>- Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu.</p> <p>- Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
18	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định	- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính Phủ quy định về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 8/12/2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

II. Lĩnh vực lưu thông hàng hoá trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	<p>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp; + Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh.</p> <p>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/9/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.</p>

C. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ

C1. THUỘC THẨM GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 08/9/2017)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực công nghiệp thực phẩm		
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
6	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
7	Cấp lại Cấp giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
II. Lĩnh vực Điện		
1	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
2	Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và	Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương;	quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
3	Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
4	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương.	Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
5	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	Thông tư 12/2017/TT-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục, cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực
III. Lĩnh vực hoá chất		
1	Khai báo hóa chất sản xuất	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
7	Xác nhận biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
IV. Lĩnh vực thương mại		
1	Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
2	Sửa đổi, bổ sung thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
3	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

C2. THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 16/10/2017)

Lĩnh vực công nghiệp thực phẩm		
1	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
2	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát hoặc bị cháy	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
3	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
4	Cấp sửa đổi bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

5	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do hết thời hạn hiệu lực	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
7	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ, hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu